



shēn zhuó

身着

verb · wearing (formal)

Example Sentences

Tā shēn zhuó hēi sè xī zhuāng

他身着黑色西装。

He is wearing a black suit.

Jīng chá shēn zhuó zhì fú zài jiē shàng xún luó

警察身着制服在街上巡逻。

The police, wearing uniforms, patrol the streets.

Trace each character, then write the word on your own.

身	身	身	身	身	身	身	身	身	身	
着	着	着	着	着	着	着	着	着	着	着
着	着	着								